TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH
Bản án số: 49/2019/HS -ST
Ngày: 27-11-2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Xa Quý Thạo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ơn và ông Bùi Văn Tấn
***- Thư ký phiên toà*:** Ông Bùi Minh Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Công Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày 02/08/1993 tại T – Huyện T – Tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T – Xã T – Huyện T – TỉnhThanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án (ngày 16/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản")*; tiền sự: Không; nhân thân: *Ngày 09/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 13/01/2018 bị Công an xã Điền Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép tài sản của người khác.*

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình theo Quyết định tạm giam số 41/2019/ HSST- QĐTG ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, được trích xuất, *có mặt tại phiên tòa.*

2. Nguyễn Văn B, sinh ngày 18/08/1993 tại xã T– Huyện T – Tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T – Xã T – Huyện T – TỉnhThanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T *(đã chết)* và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Thủy, tỉnh

Hòa Bình theo Quyết định tạm giam số 42/2019/ HSST- QĐTG ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, được trích xuất, *có mặt tại phiên tòa.*

- Bị hại: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình *(có mặt).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Bùi Văn C, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có mặt).

+ Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962. Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa *(vắng mặt).*

- Người làm chứng:

+ Chị Bùi Lan A, sinh ngày 29/07/2004

Nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình*(vắng mặt).*

+ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Phố C, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 22/8/2019, Nguyễn Văn B đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE α màu trắng, biển kiểm soát 36F1-186.85 của gia đình đến nhà Nguyễn Văn D là người cùng thôn để chơi. Tại đây, D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã rủ B đến tỉnh Hòa Bình để trộm cắp tài sản. Nguyễn Văn B đồng ý cùng đi trộm cắp tài sản với D nên đã điều khiển xe mô tô đi về nhà ở của mình lấy 01 (một) vam kim loại tự chế hình chữ "T" mang theo để làm công cụ phạm tội, sau đó lại đi xe quay lại đón D, rồi cả hai cùng đi từ nhà D đến tỉnh Hòa Bình để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trên đường đi B đưa vam tự chế bằng kim loại cho D cầm.

Khi đến khu vực ngã ba Chợ mía trên đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình thì B điều khiển xe đi theo hướng thị trấn V, huyện L. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, D và B đi tới đoạn đường 12B thuộc địa phận phố C, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình thì D phát hiện phía bên phải đường tại hiên nhà của gia đình bà Bùi Thị T, sinh năm 1979 có dựng 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE α màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 28N1 – 125.82 không có người trông coi nên D bảo B điều khiển xe quay lại. Lúc này B điều khiển xe mô tô đi vào đường bê tông cạnh nhà bà Bùi Thị T, cách vị trí dựng xe mô tô định trộm khoảng 15 (mười lăm) mét thì dừng lại. B ngồi trên xe mô tô để cảnh giới, D xuống xe đi bộ tới vị trí dựng xe và dùng tay phải lấy vam kim loại để trong túi quần đã chuẩn bị từ trước để phá ổ khóa điện của xe. Phá được khóa D dắt chiếc xe ra phía đường 12B rồi nổ máy xe đi về hướng tỉnh Thanh Hóa; thấy D lấy được tài sản, B cũng điều khiển xe đi theo phía sau D. Khi đi đến địa phận tỉnh Thanh Hóa, D và dừng xe lại mở cốp xe kiểm tra thì thấy bên trong cốp xe có 01

(một) giấy đăng ký xe mô tô, 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) chứng minh thư nhân dân và 01(một) giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự đều mang tên Bùi Thị T. Kiểm tra cốp xe xong, D và B đã cùng nhau tháo biển kiểm soát 28N1 – 125.82 của xe ra và đồng thời vứt bỏ toàn bộ giấy tờ có trong cốp xe cùng biển số xe và 01 vam kim loại tự chế đã mang theo để làm công cụ phá khóa xe xuống sông Bưởi cạnh đường Hồ Chí Minh. Sau đó cả hai đến quán karaoke của gia đình bà Vũ Thị T, sinh năm 1962, trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để hát karaoke, do chưa tìm được nơi tiêu thụ tài sản, nên D và B đã gửi chiếc xe vừa trộm được tại nhà bà T.

Đến ngày 27/8/2019, D và B tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp xe máy tại huyện Y, tỉnh Hòa Bình thì bị Công an huyện Yên Thủy bắt giữ. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thủy, D và B đã khai nhận về hành vi trộm cắp xe máy ngày 22/8/2019, tại phố C, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 03/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã ra Yêu cầu định giá tài sản đối với: 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 125.82 nhãn hiệu HONDA, loại Wave α màu sơn xanh đen bạc. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 39 ngày 06/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 125.82 nhãn hiệu HONDA, loại Wave α màu sơn xanh đen bạc hiện giá trị còn lại tại thời điểm khảo sát là 12.000.000đ *(mười hai triệu đồng).*

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Đối với bà Vũ Thị T là người đã cho D và B gửi chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 125.82 nhưng bà Thảo không biết đó là tài sản do D và B trộm cắp mà có, bà T cũng đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra nên không đề cập xử lý.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 36F1-186.85 là phương tiện mà D và B dùng để gây án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thủy đã tạm giữ phương tiện trên để điều tra về hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Yên Thủy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn không đề cập xử lý trong vụ án này.

- Đối với số giấy tờ mà bà Bùi Thị T để trong cốp xe gồm: 01 (một) giấy đăng ký xe, 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) chứng minh thư nhân dân, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe đều mang tên Bùi Thị T; 01 (một) biển kiểm soát 28N1 – 125.82; 01 (một) vam kim loại tự chế mà D và B đã vứt xuống sông, do không xác định được vị trí cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm.

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave α, màu sơn xanh đen bạc, không biển kiểm soát, số khung, số máy không xác định. Cơ quan điều tra đã tiến hành nhận dạng, xác định là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 125.82 thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị T. Hiện chuyển đến Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Lạc Sơn bảo quản chờ giải quyết theo quy định.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Bùi Thị T yêu cầu được nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô đã bị các bị cáo trộm cắp. Ngoài ra yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) là thiệt hại thực tế do bị mất xe và chi phí để làm lại các giấy tờ bị mất.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKSLS-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn B về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Lạc Sơn, sau khi xem xét, đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; trình bày quan điểm và luận tội: Giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 173 tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 24 – 30 tháng tù; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, r s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 12 – 18 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

Các bị cáo đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị hại Bùi Thị T yêu cầu được nhận lại xe mô tô và yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 5.000.000đ *(năm triệu đồng);* đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với các bị cáo theo quy định. Những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện Lạc Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai nhận của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác như: Đơn trình báo của bị hại ngày 23/09/2019; bản kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 39 ngày 06/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản; lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 22/8/2019 tại phố C, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, không có người trông coi, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn B đã có hành vi lén lút phá khóa chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 125.82 nhãn hiệu HONDA, loại Wave α màu sơn xanh đen bạc trị giá 12.000.000đ *(mười hai triệu đồng)* của bà Bùi Thị T. Vì vậy, việc các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn B phạm tội "trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi mà các bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự của nước CHXHCN Việt Nam nghiêm cấm và bảo vệ. Đồng thời hành vi mà các bị cáo thực hiện còn gây mất trật tự an ninh trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được tính chất, mức độ sai trái do hành vi gây ra. Song vì lười lao động, muốn kiếm tiền một cách bất chính nên lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Lỗi của các bị cáo trong vụ án này là cố ý trực tiếp, do đó các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội đã gây ra.

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Văn D là người khởi xướng và giữ vai trò chính, bị cáo Nguyễn Văn B đồng phạm với vai trò người thực hành.

[4]Xét nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn B chưa có tiền án, tiền sự; riêng bị cáo Nguyễn Văn D có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 09/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 13/01/2018 bị Công an xã Điền Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Trộm cắp tài sản"* và *"sử dụng trái phép tài sản của người khác"*; ngày 16/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Trước thời điểm xét xử vụ án này ngày 26/11/2019 các bị cáo đã bị Tòa án nhân thân huyện Yên Thủy kết án về tội Trộm cắp tài sản, tuy bản án chưa có hiệu lực pháp luật nhưng cần phải được xem xét để đánh giá nhân thân các bị cáo trong quá trình lượng hình.

[5]Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã tự thú, thành khẩn khai báo, bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn D có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"tái phạm"*quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn B: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo tự thú, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm i, r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn B không có tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết cụ thể của vụ án, xét thấy cần thiết phải có một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Do đó, việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục cải tạo bị cáo cũng như đáp ứng mục đích đấu tranh phòng ngừa tội phạm trên địa bàn là cần thiết. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, các bị cáo còn có thể áp dụng hình phạt bổ sung. Song xem xét cụ thể trường hợp của các bị cáo, xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung là không có tính khả thi. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave α, màu sơn xanh đen bạc, không biển kiểm soát, số khung, số máy không xác định. Cơ quan điều tra đã tiến hành nhận dạng, xác định là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 125.82 thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị T. do đó cần tuyên trả lại tài sản trên cho bà Bùi Thị T.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy, yêu cầu bồi thường của bị hại tuy không có hóa đơn chứng từ nhưng là thiệt hại thực tế và các chi phí hợp lý; thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của các bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại Bùi Thị T số tiền 5.000.000đ *(năm triệu đồng)*

[9]Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn B phạm tội *" "Trộm cắp tài sản"*.

2.Về hình phạt:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành hình phạt của bản án này.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, r s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành hình phạt của bản án này.

3.Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 587; 589; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại Bùi Thị T số tiền 5.000.000đ *(năm triệu đồng)*, căn cứ vào mức độ lỗi, mức bồi thường của các bị cáo như sau: Bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường số tiền 3.000.000đ *(ba triệu đồng)*; Bị cáo Nguyễn Văn B phải bồi thường số tiền 2.000.000đ *(hai triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề

nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền,nếu chậm trả thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4.Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bà Bùi Thị T 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave α, màu sơn xanh đen bạc, không biển kiểm soát, số khung, số máy không xác định.

5.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a,c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn B mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được niêm yết công khai hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Hòa Bình (b/c);
-VKSND tỉnh Hòa Bình;
-Công an huyện Lạc Sơn;
-Chi cục THADS Lạc Sơn ;
-Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
-Bị cáo+ Người tham gia tố tụng;
-UBND xã Thạch Cẩm, Thạch Thành, Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Xa Quý Thạo